TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-PT
Ngày 20-01-2022
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương
Ông Nguyễn Đức Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2021/QĐ-PT, ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 33/2021/QĐPT-DS ngày 31/12/2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

2. Bị đơn: Bà Lộc Thị L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt tại phiên tòa ngày 31 tháng 12 năm 2021, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20 tháng 01 năm 2022)*

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Thị Hiển, sinh năm 1949; *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- Ông Lê Văn Thủy, sinh năm 1966; (*Có mặt tại phiên tòa)*

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Ngọc T trình bày:*

Năm 1974 ông nhận chuyển nhượng 01 diện tích đất của ông Phạm Văn A, việc chuyển nhượng không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng và không đo đạc cụ thể. Diện tích đất ông nhận chuyển nhượng có một cạnh tiếp giáp với diện tích đất của ông Lộc Viết C (là bố đẻ của bà Lộc Thị L). Ranh giới giữa đất ông nhận chuyển nhượng của ông A với đất ông C là hàng cây mít và cây cau. Khoảng năm 1993 ông C cho con gái là bà Lộc Thị L một phần diện tích đất liền kề với diện tích đất nhà ông để bà L làm nhà, thời điểm đó bà L làm nhà tạm tường tooc xi, mái lợp lá. Vị trí nền móng nhà giáp ranh giữa nhà ông và nhà bà L, nhưng phần đuôi kèo và mái lá khi có mưa nước chảy sang nhà ông vì đất nhà ông thấp hơn đất nhà bà L. Do vậy ông yêu cầu bà L khắc phục một là cắt đuôi kèo, mái lá không cho nước mưa từ mái nhà bà L chảy sang đất nhà ông, hai là ông đồng ý cho xây hàng gạch cao khoảng 40cm trên phần đất nhà ông để ngăn nước, cuối cùng ông nhất trí để bà L xây tường gạch cao khoảng 40cm thuộc bờ rãnh trên phần đất nhà ông để không cho nước chảy từ mái nhà bà L sang phần đất nhà ông, hàng gạch đỏ có chiều dài tương ứng với với mái nhà bà L.

Năm 2002 gia đình bà L đào móng xây nhà, sau khi xác định vị trí móng nhà giáp gốc hàng cây mít, ông Uchồng bà L đề nghị gia đình ông chặt cây mít và cây cau tạo điều kiện khi xây tường nhà, ông đồng ý cho chặt hàng cây mít, còn hai cây cau phía trước gia đình để thu hoạch qủa, nhưng ông Utiếp tục đề nghị thôn vận động nên ông đồng ý cho chặt hai cây cau. Các vị trí gốc mít, gốc cau tiến hành làm rãnh thoát nước chung giữa hai gia đình, đường ranh giới giáp tường móng nhà bà L từ phía sau nhà ra phía trước. Sau khi chặt hai cây cau bà L không xây tường phía đất nhà bà L mà cố ý xây tường rào bên trong cây cau trên phần đất nhà ông.

Đến tháng 2 năm 2019 gia đình ông được UBND huyện Hcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông thấy ký hiệu đường ranh giới nằm trên phần đất rãnh thoát nước nhà ông chứ không nằm trên phần giáp ranh với móng nhà bà L. Sau khi phát hiện sai sót trên

gia đình ông có đề nghị UBND thị trấn Y giải quyết. Nhưng hai gia đình không thỏa thuận được với nhau. Do vậy ông khởi kiện và yêu cầu bà Lộc Thị L và ông Lê Văn Uphải có nghĩa vụ trả lại gia đình ông 14,4m2 đất lấn chiếm. Ngoài ra ông còn yêu cầu bà L, ông U phải tháo dỡ tường gạch đỏ, điều chỉnh đường thoát nước, điều chỉnh đường ống dẫn nước mưa trên phần đất của nhà ông và yêu cầu bà L, ông U phải khắc phục sửa chữa phần mái nhà của ông mà bà L, ông U đã thuê người cắt phá.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2021 bà Dương Thị Gtrình bày:*

Năm 1974 gia đình bà nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn A một diện tích đất hiện tại gia đình bà đang sử dụng, khi nhận chuyển nhượng chỉ thỏa thuận miệng với nhau không viết giấy chuyển nhượng. Mảnh đất một bên giáp đất nhà ông A, một bên giáp đất nhà ông Lộc Viết C (bố đẻ của bà L). Phía tiếp giáp đất nhà ông C là hàng cây mít, cây cau làm rãnh. Khoảng năm 1993-1994 ông Ccho bà L làm nhà ở. Lúc đầu là bà L làm nhà mái tranh quay sang đất nhà bà, do đất nhà bà L cao hơn nhà bà nên khi mưa nước chảy sang nhà bà, gia đình bà có yêu cầu bà L khắc phục vấn đề này, ông U là chồng của bà L có sang bảo ông Tcho xây tường gạch ngăn nước mưa, sau đó gia đình bà đồng ý cho bà L xây tường gạch khoảng 40cm trên phần đất nhà bà để chống nước chảy vào nhà bà. Năm 2003 bà L đào móng xây nhà, khi bà L xây nhà, ông Uđề nghị gia đình bà chặt hàng cây mít và cây cau để thuận lợi khi xây tường nhà bà nhất trí cho chặt hàng cây mít, sau đó lại chặt hai cây cau. Nhưng khi nhà bà L xây tường đã xây tường lên phía trong cây cau giáp nhà bà và giải thích để chắn đất không cho lở bờ rãnh mương thoát nước. Đến tháng 2 năm 2019 gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà thấy ký hiệu đường ranh giới nằm trên phần đất rãnh thoát nước nhà bà chứ không nằm trên phần giáp ranh với móng nhà bà L.

Do vậy bà yêu cầu bà Lộc Thị L và ông Lê Văn Utrả lại diện tích đất lấn chiếm là 13,4m^2; Yêu cầu bà L phải tháo dỡ tường gạch đỏ, điều chỉnh đường thoát nước và đường dẫn ống nước mưa trên phần đất tranh chấp của nhà bà; Yêu cầu bà L phải khắc phục sửa chữa phần mái nhà mà bà L đã thuê người cắt phá.

** Bị đơn bà Lộc Thị L trình bày*:

Diện tích đất hiện tại gia đình bà đang sử dụng do bố đẻ của bà là ông Lộc Viết C tặng cho sử dụng, diện tích đất này có một cạnh tiếp giáp với diện tích đất nhà ông Phạm Ngọc T. Năm 1993 gia đình bà làm một ngôi nhà gỗ, khi làm nhà gia đình bà có xây một hàng gạch đỏ phía giáp ranh nhà ông T để phân định ranh giới giữa đất nhà bà và đất nhà ông T, khi xây các bên có cắm mốc để thợ

xây, khi đó ông T, bà G không có ý kiến gì, hiện tường gạch đỏ vẫn còn. Năm 2002 bà xây ngôi nhà ở hiện tại, khi xây bà xây trên phần diện tích đất của gia đình bà, lý do tường nhà hiện tại không giáp với tường gạch đỏ trước đó, vì gia đình bà xây móng và giật cấp vào, sau khi xây nhà được một thời gian thì gia đình ông Txây tường rào xi măng cao khoảng 1,4m bên phần đất nhà ông T và ép sát vào tường gạch đỏ trước đó bà đã xây.

Đối với phần phía trước là sân nhà hiện tại của gia đình bà, năm 2002 khi bà đang xây ngôi nhà ở hiện tại thì ông T phá bỏ tường rào xây của nhà ông Tở phía trước, do vậy bà phải xây tường rào trên phần đất của gia đình bà thì xảy ra tranh chấp và đã được UBND thị trấn Y giải quyết xong.

Về việc cắt mái nhà ông Tbà L xác định sau khi xây ngôi nhà bà đang ở hiện tại được khoảng 6 đến 7 năm thì gia đình ông T xây bếp phía sau và tiếp giáp với phần đất của gia đình bà, khi lợp mái đã lấn khoảng không trên phần đất của bà, bà có nhờ tổ dân phố giải quyết và ông Tđã cắt phần mái lấn sang khoảng không trên phần đất nhà bà. Nhưng sau đó mấy năm sau ông T lại tiếp tục lợp lại phần mái trước đây đã cắt bỏ thời điểm đó bà không có ý kiến gì vì không ảnh hưởng mấy đến đất nhà bà, mặt khác cũng để nước đỡ hắt vào bếp nhà ông T, tuy nhiên đến năm 2019 sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T đã dùng tôn lợp mái bếp sang giáp tường nhà bà, lúc đó bà có đề nghị tổ dân phố giải quyết, tổ trưởng tổ dân phố vào giải quyết và gia đình bà được tổ trưởng thông báo lại là gia đình ông Tkhông có người cắt, nên gia đình bà nhờ người đến cắt, khi cắt có sự chứng kiến của tổ trưởng tổ dân phố và hai vợ chồng ông T. Do vậy bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Utrình bày:*

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do ông Lộc Viết C bố vợ của ông cho ông và bà L sử dụng, sau khi ông Ccho đất năm 1993 gia đình ông xây dựng một tường rào bằng gạch đỏ trên phần đất của gia đình ông để làm ranh giới phân định giữa đất nhà ông và đất gia đình ông T. Khi xây tường rào bà Dương Thị G là vợ của ông T đã cùng ông, ông C cùng kéo dây cắm mốc để thợ đào móng, xây tường rào, sau đó ông Tđã xây tường rào bằng gạch xi măng giáp với tường gạch đỏ cách đây hơn chục năm. Ranh giới đó gia đình ông đã sử dụng ổn định từ đó đến khi ông Tđược cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới có việc tranh chấp. Do vậy ông không nhất trí với yêu cầu của ông T là tháo rỡ hàng gạch đỏ và trả lại 14,4m2 đất mà ông Tcho là ông lấn chiếm.

Việc cắt phá mái nhà bếp lần đầu do ông Ttự cắt phá, vì khi xây bếp xong ông T lợp mái lấn sang phần đất nhà ông nên ông yêu cầu ông T cắt phá. Lần thứ hai ông Ttiếp tục lợp mái lấn sang phần đất nhà ông, ông yêu cầu tổ dân phố

giải quyết, nhưng ông Tbảo không có người tháo dỡ, nên tổ trưởng tổ dân phố bảo gia đình ông nhờ người cắt hộ. Khi cắt có sự chứng kiến của tổ trưởng tổ dân phố và vợ chồng ông T. Do vậy ông không nhất trí với yêu cầu của ông T

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26; 147; 157; 227; 228; 235; 266; 267; 271; 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều Điều 5, 99, 100, 166, 202 và 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

** Tuyên xử:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc T về việc yêu cầu yêu cầu bà Lộc Thị L và ông Lê Văn U phải có nghĩa vụ trả lại diện tích đất lấn chiếm là 14,4m^2; tháo dỡ tường gạch đỏ, điều chỉnh đường thoát nước và đường dẫn ống nước mưa trên phần đất tranh chấp của nhà bà và phải khắc phục sửa chữa phần mái nhà mà bà L đã thuê người cắt phá. Giữ nguyên ranh giới đất như sơ đồ thẩm định, đo đạc ngày 19/5/2021.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2021 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T, đơn kháng cáo có nội dung không nhất trí với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Phạm Ngọc T có đơn xin giải quyết vắng mặt, đồng thời có đơn xin rút đơn khởi kiện.

Bị đơn bà Lộc Thị L không chấp nhận yêu cầu kháng cáo cũng như không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T và trình bày đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử xác định rõ ranh giới giữa hai thửa đất và cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện H cấp cho ông T bà G là không đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn U không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và có ý kiến đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử xác định rõ ranh giới giữa hai thửa đất và cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện H cấp cho ông T bà Glà không đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã

thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Ngọc T. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Ông Phạm Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 31/8/2021, ông Phạm Ngọc T có đơn kháng cáo đối với Bản án số 62/2021/DS-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó đơn kháng cáo của ông Tlà hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Phạm Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn xin rút đơn khởi kiện; bị đơn bà Lộc Thị L không đồng ý việc ông Trút đơn khởi kiện. Căn cứ Điều 296, Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Nguyên đơn ông Phạm Ngọc T khởi kiện yêu cầu bà Lộc Thị L và ông Lê Văn U phải có nghĩa vụ trả lại gia đình ông 14,4m2 đất lấn chiếm, yêu cầu bà L, ông U phải tháo dỡ tường gạch đỏ, điều chỉnh đường thoát nước, điều chỉnh đường ống dẫn nước mưa trên phần đất của nhà ông và yêu cầu bà L, ông U phải khắc phục sửa chữa phần mái nhà của ông mà bà L, ông Uđã thuê người cắt phá vì ông cho rằng khoảng năm 1993 bà Lộc Thị L được bố đẻ là ông Lộc Viết Ccho một phần diện tích đất liền kề với diện tích đất nhà ông để bà L làm nhà, thời điểm đó bà L làm nhà tạm, tường tooc xi, mái lợp lá. Vị trí nền móng nhà là vị trí giáp ranh giữa nhà ông và nhà bà L, nhưng phần đuôi kèo và mái lá khi có mưa nước chảy sang nhà ông vì đất nhà ông thấp hơn đất nhà bà L. Do

vậy ông đồng ý cho gia đình bà L xây hàng gạch cao khoảng 40cm trên phần đất nhà ông để ngăn không cho nước chảy từ mái nhà bà L sang phần đất nhà ông, hàng gạch đỏ có chiều dài tương ứng với mái nhà bà L. Đến tháng 2 năm 2019 gia đình ông được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông thấy ký hiệu đường ranh giới nằm trên phần đất rãnh thoát nước nhà ông chứ không nằm trên phần giáp ranh với móng nhà bà L. Theo ông đường ranh giới giữa thửa đất của gia đình ông đang sử dụng và ranh giới thửa đất của gia đình bà L ông U là giáp với móng nhà bà L. Còn bà Lộc Thị L và ông Lê Văn Ucho rằng đất ông bà đang sử dụng được ông Lộc Viết C (bố đẻ bà L) tặng cho ông bà một phần diện tích đất liền kề với diện tích đất nhà ông Tvào năm 1993. Sau khi được ông C cho đất ông Thủy, bà L đã dựng ngôi nhà tạm, đến năm 2002 gia đình ông bà xây nhà kiên cố trên diện tích đất ông C đã cho. Bà L, ông U cho rằng ranh giới giữa đất nhà ông bà với nhà ông Tlà hàng gạch đỏ ông bà đã xây từ năm 1993. Năm 2018 khi gia đình ông Tbà Gđề nghị UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đo đạc hiện trạng thửa đất của gia đình ông T gia đình bà không được chứng kiến việc đo đạc đất nhà ông T như thế nào. Đề nghị Tòa án xem xét lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông Tvì giấy chứng nhận này ông Tđã làm lấn sang đất nhà ông bà và không đúng hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình hiện nay.

Như vậy Nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng việc UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 271411, số vào sổ cấp giấy CH 08287 ngày 25/02/2019 mang tên ông Phạm Ngọc T và bà Dương Thị G là không đúng với hiện trạng sử dụng đất. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và cũng không thu thập chứng cứ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H đã cấp cho ông T và bà G.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có thực hiện xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của nguyên đơn đối với hiện trạng sử dụng đất tại 02 thửa đất: thửa đất số 157 tờ bản đồ số 10 được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX271411, số vào sổ cấp giấy CH 08287 ngày 25/02/2019 mang tên ông Phạm Ngọc T và bà Dương Thị Gvà thửa đất số 156 tờ bản đồ số 10 gia đình bà Lộc Thị L đang quản lý, sử dụng.Vị trí 02 thửa đất đều thuộc tổ dân phố Tân Bắc thị trấn Y huyện Hvà xác định diện tích đất tranh chấp giữa hai bên. Qua xem xét các lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và biên bản làm việc ngày 12/01/2022 của Tòa án cấp phúc thẩm với Công ty TNHHMTV Dịch vụ Tài nguyên môi trường Hà Tuyên là đơn vị thực hiện đo đạc hiện trạng sử dụng đất thấy rằng trên mảnh trích đo sơ đồ phần đất tranh chấp chưa thể hiện đầy đủ hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình và hiện trạng đất tranh chấp.

Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên giữ nguyên ranh giới đất như sơ đồ thẩm định, đo đạc ngày 19/5/2021 tuy nhiên không xác định cụ thể là ranh giới nào trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Xét thấy việc thu thập chứng cứ và chứng minh của cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ và không thể bổ sung được tại phiên tòa phúc thẩm. Những thiếu sót trên là nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà chưa được thực hiện theo trình tự sơ thẩm, không thể khắc phục được tại giai đoạn phúc thẩm. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Phạm Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Ngọc T

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/01/2022).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Hà